

Văn bia chùa Đông Lai (Già Lễ tự)

ISSN: 2734-9195 14:05 16/01/2026

Chùa Đông Lai bảo lưu được nhiều đồ thờ có giá trị nghệ thuật cao. Các hiện vật được gìn giữ khá nguyên và chọn vẹn, một số di vật tiêu biểu, quý, tiêu biểu như cây hương đá - niên hiệu Bảo Thái, bia đá - niên hiệu Chính Hòa,...

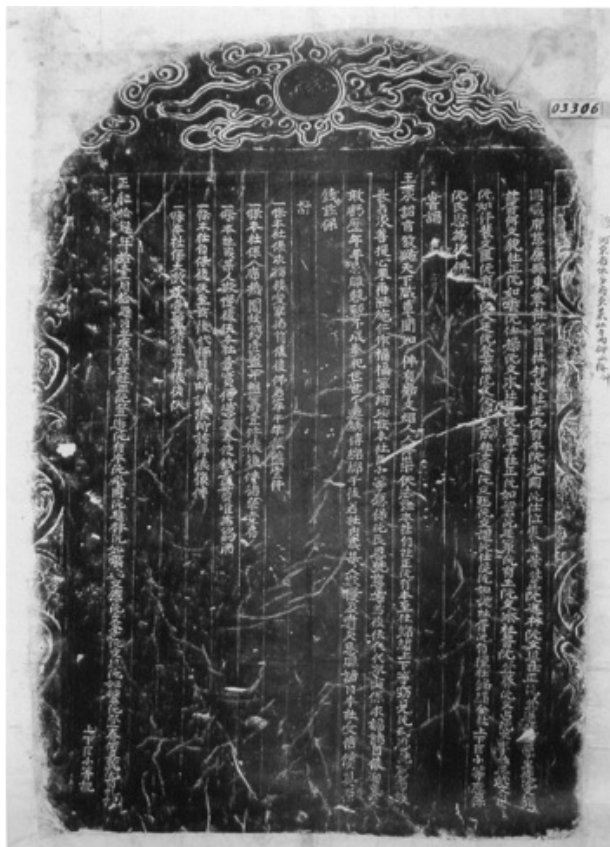
Tác giả: **Thích Đàm Thơm**

Chùa Đông Lai

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

1. Vài nét về vùng đất và chùa Đông Lai

Chùa Đông Lai (Già Lễ tự) thuộc làng Đông Lai, xã Đan Phượng, Hà Nội. Dưới thời Trần và thời Hồ, chùa thuộc Liên Hồng, huyện Đan Phượng, châu Từ Liêm, lộ Đông Đô. Đến thời thuộc Minh, huyện Đan Phượng đổi tên thành huyện Đan Sơn. Sang thời Lê Sơ, Liên Hồng thuộc huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Vào đầu thế kỷ XIX, Đông Lai, Hữu Cước, Tổ Thôn, Thượng Trì đều thuộc tổng Thượng Trì, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Đầu thế kỷ XX, mỗi thôn được coi như một xã như xã Hữu Cước, xã Đông Lai, riêng Thượng Trì gồm 3 thôn: Thượng Trì, Tổ Thôn, Trúng Đích (nhất xã tam thôn) thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông.



Năm 1956, tách xã Liên Trì thành 3 xã: Liên Hà, Liên Trung, Liên Hồng. Tháng 2/1955, thôn Trúng Đích chuyển về xã Hạ Mỗ, xã Liên Hồng gồm các thôn: Đông Lai, Hữu Cước, Tổ Thôn, Thượng Trì. Từ năm 1975 đến 1979 thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, từ 1979 đến 1991 thuộc thành phố Hà Nội, từ 1991 đến tháng 7/2008, thuộc tỉnh Hà Tây, từ tháng 1/2008 đến nay thuộc thành phố Hà Nội. Năm 2025 thuộc xã Đan Phượng, Hà Nội.

Chùa Đông Lai hiện lưu giữ được một số hiện vật có giá trị về mặt lịch sử, nghệ thuật, khoa học, tiêu biểu như cây hương đá - niên hiệu Bảo Thái 3 (1722), bia đá - niên hiệu Chính Hòa 20 (1699), chuông đồng - niên hiệu Cảnh Thịnh 8 (1800).

2. Văn bia chùa Đông Lai

Hiện nay tại chùa còn 5 bia đá, trong đó có 2 bia thời Lê và 2 bia thời Nguyễn, 1 bia không ghi niên đại, đoán cũng thuộc thời Nguyễn.

STT	Tên bia	Niên đại
1	Sáng hậu Phật bi tính ký	Chính Hòa thứ 20 (1699)
2	Già Lễ/Thiền tự/Thiền đài/Nhất trụ	Tháng 3 năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái thứ 3 (1722)
3	Kí kị bi kí	Ngày 20 tháng 12 năm Tự Đức thứ 9 (1856)
4	Vĩnh tự bi kí	Ngày 24 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 12 (1831).
5	Hậu Phật bi kí	Không ghi

Nguyên văn bia: Sáng hậu Phật bi tính ký

國威府慈廉縣東萊社官員社村長社正阮有本, 阮光國, 阮仕仁, 裴進榮; 社正阮進林, 阮文旦, 社正阮登選, 阮學, 生徒阮文[館], 社胥何文貌, 社正阮如雲, 阮仕操, 阮文家, 社正阮文學, 社正阮如磐, 阮廷策, 阮有土, 阮文添, 社胥阮登春, 阮文占, 阮文事, 社正武文貞, 阮如伴, 裴文匡, 阮有報, 阮文廷, 阮登畜, 阮文金, 阮文成, 杜文達, 阮文瑟, 阮文魂, 阮仕院, 阮如從, 社胥阮有禮, 杜錦繡, 全社上下巨小等應保阮氏恩為後佛.

嘗謂: 王家詔旨頒賜, 天下咸章, 聞知佛有勸文, 炤人人興崇佛法.

茲本社自社正阮有本至杜錦繡上下等, 竊見阮氏恩號慈焉, 族長名家, 菩提心果, 再能施仁作福, 福等河沙. 茲本社巨小等應保阮氏恩號慈焉為後佛, 代代永垂, 係求福諸日俵迎, 莫真敢虧. 歷年年忌臘, 兢兢不泯, 奉祀世世不遷, 繼傳綿綿于後, 若社內或某人欺慢及遺欠忌臘諸日, 本社受倍償其原錢, 茲保.

計: 一條□ 本社係求福移受宰猪首俵後佛□ 若宰

牛牢□ 猪盤壹件□

一條□ 本社係入席藏[闔]炊雞壹盤, 并盤籌壹件□ 俵後佛猪祭壹肩□

一條□ 本社或某人欺慢後佛□ 本社查實□ 得憑應券使錢壹貫□ 准為雞酒□

一條□ 本社自保後佛至茲後代□ 係日同所該俵□ 所該停俵後佛□

一條□ 本社係大故□ 炊壹盤□ 猪壹首□ 俵後佛□

正和拾九年壹月拾九日立應保文社正阮登選, 阮有本, 阮光國, 阮進林, 阮如雲, 阮文館, 阮文學, 阮文旦, 阮如磐, 阮登春, 何文貌, 阮有禮記.

上下巨小等記.

Dịch nghĩa:

[M1] Trưởng xã, thôn và quan viên xã Đông Lai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai gồm Xã chính Nguyễn Hữu Bản, Nguyễn Quang Quốc, Nguyễn Sĩ Hồng, Bùi Tiến Vinh; Xã chính Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Văn Thả, Xã chính Nguyễn Đăng Tuyển, Nguyễn Học, Sinh đồ Nguyễn Văn Quán, Xã tư Hà Văn Mạo, Xã chính Nguyễn Như Vân, Nguyễn Sĩ Thao, Nguyễn Văn Gia, Xã chính Nguyễn Văn Học, Xã chính Nguyễn Như Bàn, Nguyễn Đình Sách, Nguyễn Hữu Thổ, Nguyễn Văn Thiêm, Xã tư Nguyễn Đăng Xuân, Nguyễn Văn Chiêm, Nguyễn Văn Sự, Xã chính Võ Văn Trinh, Nguyễn Như Bạ, Bùi Văn Khuông, Nguyễn Hữu Báo, Nguyễn Văn Đình, Nguyễn Đăng Súc, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Văn Thành, Đỗ Văn Đạt, Nguyễn Văn Sắt, Nguyễn Văn Hồn, Nguyễn Sĩ Viện, Nguyễn Như Tòng, Xã tư Nguyễn Hữu Lễ, Đỗ Cẩm Tú, tòa xã trên dưới lớn nhỏ đồng ý bầu bà Nguyễn Thị

Ân làm Hậu Phật.

Thưởng bảo: Nhà vua xuống chiếu chỉ ban tặng, thiên hạ đều hay, nghe rằng Phật có khuyến giới, soi tỏ mọi người dấy hưng Phật pháp. Nay bản xã từ lớn nhỏ từ Xã chính Nguyễn Hữu Bản đến Đỗ Cẩm Túc, trộm thấy Nguyễn Thị Ân hiệu Từ Yên, là danh gia tộc trưởng, có tâm quả bồ đề, lại thường làm điều nhân thi điều phúc, phúc nhiều tựa hà sa. Nay bản xã lớn bé đều đồng ý bầu Nguyễn Thị Ân hiệu Từ Yên làm Hậu Phật, đời đời lưu truyền Hết các ngày cầu phúc mà đón rước, chẳng dám giảm bớt. Giỗ chạp hàng năm, cần thận không lẫn, phụng thờ đời đời không dời đổi, nối tiếp mãi mãi về sau. Nếu trong xã hoặc người nào coi thường và bỏ vê các ngày giỗ chạp bản xã nhận bồi thường theo số tiền gốc, nay bầu.

Điều 1: Bản xã cầu phúc nhận thịt thủ lợn biếu Hậu Phật, nếu là thịt bò, lợn 1 phần.

Điều 2: Hết bản xã vào hội xôi gà 1 bàn, và một phần biếu Hậu Phật, thịt lợn tế một vai.

Điều 3: Bản xã hoặc người nào khinh thường Hậu Phật, bản xã tra xét có thực, thì được dựa theo khoán sử tiền 1 quan, gà rượu theo chuẩn.

Điều 4: Bản xã từ khi bầu Hậu Phật đến các đời sau, nếu là cùng ngày cái đáng thì nên biếu, cái không đáng thì không biếu Hậu Phật.

Điều 5: Bản xã có việc lớn thì xôi 1 bàn, thủ lợn 1 đầu biếu Hậu Phật

Ngày 19 tháng 1 năm Chính Hòa thứ 19 (1698), đồng ý lập Hậu, xã chính Nguyễn Đăng Tuyển, Nguyễn Hữu Bản, Nguyễn Quang Quốc, Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Như Vân, Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Văn Học, Nguyễn Văn Đán, Nguyễn Như Bàn, Nguyễn Đăng Xuân, Hà Văn Mạo, Nguyễn Hữu Lễ kí.

Trên dưới lớn nhỏ cùng kí.

[M2] Sáng Hậu Phật bi tịnh kí Nguyên văn:

創後佛碑并記

國威府慈廉縣東萊社後佛碑記 嘗聞:財者人所同欲□ 行仁以是而發身□ 德者

人所常脩□ 尊道因茲而集福□ 而非鑄功勒成□ [鑿]石記事□ 何以增光於千百載之上□ 暴白於千 百載之下者乎□ 洪惟:□

皇朝半千運□ 屬一治時丁□ 清朗映乾坤□ 泰和 昭宇宙□ 聖天子維維默默□ 袞冕舜堯□
賢宰相從 從容容□ 衣冠稷契□ 展矣.丁逢嘉會□ 信乎些好 真元□ 九十韶光□ 生生都自樂□
三千世界,色色 舉皆春□ 處處是美景佳辰□ 人人從善緣吉慶□ 鄉 咸趨清淨無欲□
境漸造純熟有真.茲國威府慈廉 縣東萊社阮氏恩號慈焉□ 發菩提心□ 宣大悲力□
散發銅錢凡九拾貫□ 留與社人布施同田殆九高, 支求為后佛流傳萬代□ 香火千年□ 盛典既昭
□ 碑 文爰立□ 斯石之可磋可切□ 斯文之不改不移□ 其 或變易初心□ 頓迂舊約□
上則有皇天之鑒照□ 下 則舊[]之灼知□ 此碑之傳□ 永對青天白日□ 此碑 之久有同帶河礪山
□ 爰勒石碑□ 永為龜鑑□ 銘 曰:

天書南越, 地界東萊 今挺阮氏, 教樂叢臺 心在敬道, 躬自發財 功常輝映, 福益集來 一時碑立,
萬古基培 計:

一所同????處參篙, 又一所同????處參篙 一所同[稍]參篙 使錢參拾貫
一供佛田一所池夢處壹篙許本寺耕以為米????承

供萬代

正和貳拾年季春穀日

Dịch nghĩa:

Bài kí Hậu Phật xã Đông Lai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai

Thường nghe: việc tiền tài con người đều mong muốn, làm điều nhân để từ đó mà thành danh; việc đức là điều mà con người thường sửa, tuân theo đạo vì như vậy mà thu tập vận khí tốt. Vả chẳng khắc đá ghi công, tạc đá ghi việc, sao chẳng làm tảng về huy hoàng từ trăm nghìn năm trước, tỏ rõ đến trăm nghìn năm sau sao?

Kính nghĩ:

Hoàng triều trải qua thời vận may mắn, nước yên đời trị, khai sáng rạng trời đất, thái hòa tổ vũ trụ. Bậc Thiên tử Thánh hiền thì âm thầm bảo vệ, mĩ đức vua Nghiêu vua Thuấn, bậc tể tướng hiền thần thì ung dung, áo mũ như thời Đường Ngu. Thành thực đang gặp thời vận tốt, tin thay muôn điều huyền diệu tốt đẹp. Chín mươi xuân, sinh sống đều tự làm vui, ba ngàn thế giới, sắc sắc đều là xuân. Nơi nơi đều là thời tốt cảnh đẹp, người người theo thiện duyên may mắn. Làng đều theo thanh tịnh không tham muốn, cảnh tượng dần tạo được thuần thực mà chân thật. Nay có bà Nguyễn Thị Ân hiệu Từ Yên người Đông Lai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai phát tâm bồ đề, hoằng dương chú Đại bi Quan Thế Âm Bồ tát, góp tiền đồng 90 quan, người trong xã giữ để bố thí cho dân còn có 9 sào ruộng dùng để cầu Hậu Phật lưu truyền muôn đời, hương khói ngàn năm. Điển lệ đã tỏ, bèn lập văn bia. Bia này có thể cắt gọt mài dũa nhưng văn từ không sửa,

không dời. Người nào thay đổi ước nguyện buổi ban đầu, bỏ qua lệ cũ, trên thì có trời cao chiếu xét, dưới thì có lệ cũ rõ ràng. Truyền văn bia này, mãi mãi sánh cùng thanh thiên bạch nhật; bia này sánh cùng với sự trường tồn của đất nước núi sông. Bền khắc bia đá, mãi mãi mượn mà soi xét.

Bài minh rằng:

Sách trời nước Nam, Địa phận Đông Lai Nay sinh Nguyễn thị, Vui đạo chốn tùng lâm Lòng vốn kính đạo, Tự bỏ tiền của

Công lao sáng tỏ, Phúc càng thêm đầy Lập bia nhất thời, Muôn đời bồi đắp. Kê:

Một thửa 3 sào ở Đồng Trê, lại một thửa 3 sào ở xứ Đồng Trê, một thửa 3 sào ở đồng Sao; sử tiền 30 quan.

Ruộng cúng Phật: một thửa 1 sào xứ Đìa Mộng, đồng ý cho chùa canh tác để lấy thóc lúa cúng đến muôn đời.

Ngày tốt giữa xuân năm Chính Hòa thứ 20 (1699)

Nguyễn văn bia 2: Già Lễ/Thiên tự/Thiên đài/ Nhất trụ

伽禮

國威府慈廉縣東萊社為有興功天臺壹柱

計:

一興功: 社正兼????仕總阮登選字福財妻阮氏吝 號慈廣眾子社正阮登用, 牟登述, 社史阮登道, 社史阮登羸, 阮氏勳, 阮氏孳, 阮氏熙, 婚杜氏矩, 阮氏好, 杜氏鼠, 阮如榮, 武文士, 杜錦依, 阮登計, 阮登謨, 阮登規, 阮如語, 阮如壹, 阮如深, 阮如觀, 阮氏矧, 阮氏誰, 阮氏謳, 阮氏訴, 阮氏保, 阮氏表, 阮文師, 阮氏據.

一興功: 黎氏忝 號慈成, 眾子阮公驕, 阮公高, 阮文才, 杜氏愛, 阮氏勾, 阮氏亥, 阮文膳, 阮文表, 阮文銳.

禪寺

阮文產, 阮氏潤, 阮氏潤, 阮氏河, 阮氏觀, 阮氏請, 阮氏祚, 阮氏明, 阮氏白, 阮氏歡, 阮氏跪等

一興功: 社胥武有禮字福義妻阮氏四, 眾子武文昭, 武登科, 武文順, 武文和, 武氏秉, 武氏榮, 武氏倫, 阮如隆, 阮登用, 阮致崇, 阮文會, 阮如朴, 阮氏矧, 阮氏拙等.

一興功:阮仕登字福科妻阮氏衍, 眾子阮氏乙, 阮文率等

一興功:社胥阮如從妻阮氏韓, 眾子阮如語, 阮 如牢, 阮氏誰, 阮氏舊, 阮氏????,阮文帥,
阮氏據等 天臺

本社功德: 阮文才妻阮氏亥使錢壹貫; 蓬萊社功 德: 生徒尹登選字法正妻陳氏何使錢五陌.

讚曰:

氤氳造砥石, 形象似樓臺 五時焚香火, 一敬展胃懷 堯天昭蕩蕩, 舜日朗恢恢 庭前山若礪,
福五慶如來 壹柱 保泰叁年歲次壬寅叁月穀日

Dịch nghĩa:

[M1] Xã Đông Lai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai hưng công một trụ thiên đài.

Kê:

- Hưng công: Xã chính kiêm trùm xã tổng Nguyễn Đăng Tuyển tự là Phúc Tài, vợ là Nguyễn Thị Lận hiệu Từ Quảng, các con là Xã chính Nguyễn Đăng Dụng, Mậu Đăng Thuật, Xã lại Nguyễn Đăng Đạo, Xã sử Nguyễn Đăng Doanh, Nguyễn Thị Huân, Nguyễn Thị Nghiệt, Nguyễn Thị Hy, Đỗ Thị Cử, Nguyễn Thị Hảo, Đỗ Thị Thử, Nguyễn Như Vinh, Võ Văn Sĩ, Đỗ Cẩm Y, Nguyễn Đăng Kế, Nguyễn Đăng Mô, Nguyễn Đăng Quy, Nguyễn Như Ngữ,

Nguyễn Như Nhất, Nguyễn Như Thâm, Nguyễn Như Đổ, Nguyễn Thị Thấn, Nguyễn Thị Thuỳ, Nguyễn Thị Âu, Nguyễn Thị Tố, Nguyễn Thị Bảo, Nguyễn Thị Biểu, Nguyễn Văn Sư, Nguyễn Thị Cứ.

- Hưng công: Lê Thị Thiểm Hiệu Từ Thành, chúng tử Nguyễn Công Kiều, Nguyễn Công Cao, Nguyễn Văn Tài, Đỗ Thị Ái, Nguyễn Thị Câu, Nguyễn Thị Hợi, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Văn Biểu, Nguyễn Văn Nhuệ.

[M2]

- Hưng Công: Nguyễn Văn Sản, Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Đổ, Nguyễn Thị Thỉnh, Nguyễn Thị Tộ, Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Bạch, Nguyễn Thị Hoan, Nguyễn Thị Quy

- Hưng công: Xã tư Vũ Hữu Lễ tự Phúc Nghĩa, vợ Nguyễn Thị Tứ, các con Võ Văn Chiêu, Vũ Đăng Khoa, Vũ Văn Thuận, Vũ Văn Hòa, Vũ Thị Bình, Vũ Thị Vinh, Vũ Thị Luân, Nguyễn Như Long, Nguyễn Đăng Dụng, Nguyễn Trí Sùng, Nguyễn Văn Hội, Nguyễn Như Phác, Nguyễn Thị Thấn, Nguyễn Thị Chuyết.

- Hưng công: Nguyễn Sĩ Đăng tự Phúc Khoa, vợ Nguyễn Thị Diễn, các con Nguyễn Thị Ất, Nguyễn Văn Suất.

- Hưng công: Xã tư Nguyễn Như Tòng, vợ Nguyễn Thị Hàn, các con Nguyễn Như Lao, Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thị Cựu, Nguyễn Thị Cheo, Nguyễn Văn Soái, Nguyễn Thị Cứ.

[M3]

Bản xã công đức: Nguyễn Văn Tài vợ Nguyễn Thị Hợi, sử tiền 1 quan, xã Bồng Lai công đức: Sinh đồ Doãn Đăng Tuyển tự Pháp Chính, vợ Trần Thị A sử tiền 5 mạch.

Khen rằng:

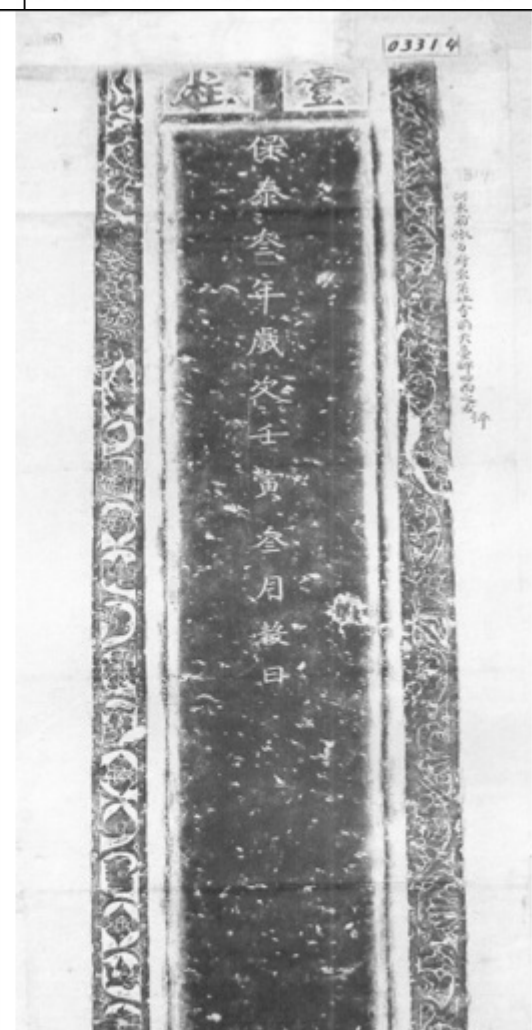
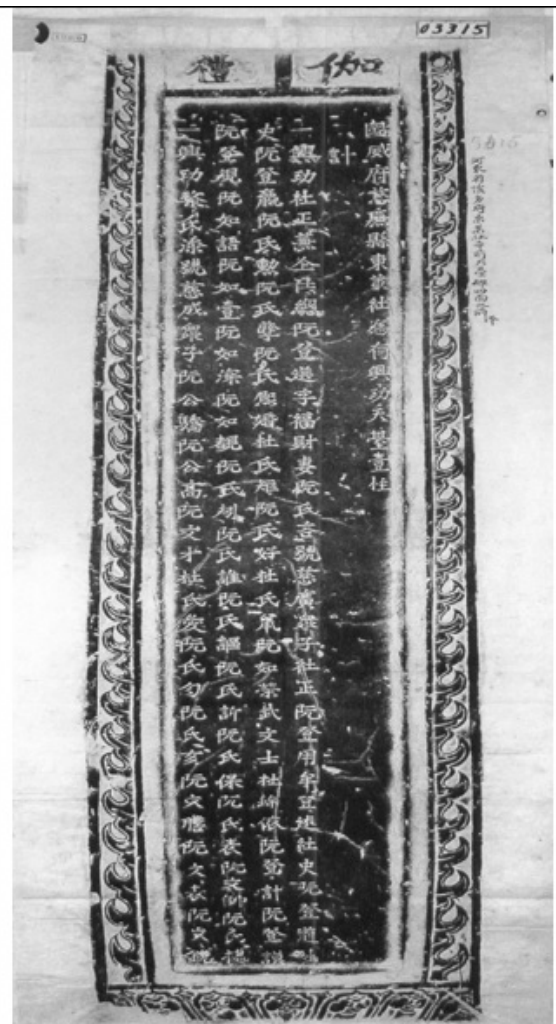
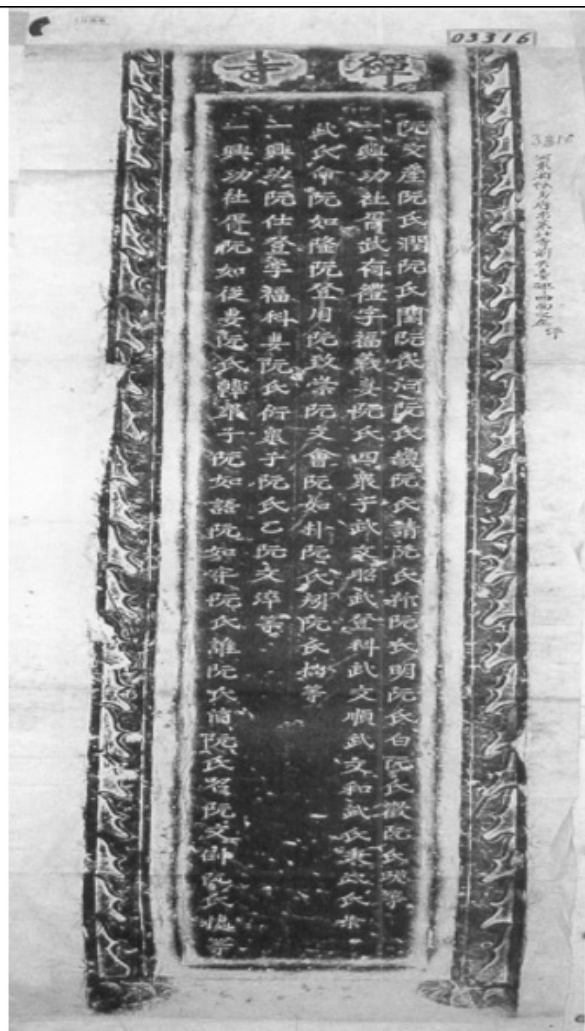
Khí trời hòa hợp tạo trụ đá, Hình tượng tựa lâu đài

Năm thời dâng hương khói, Thành kính tỏ trong lòng

Trời Nghiêu càng mệnh mông, Ngày Thuần thêm rộng lớn

Trước sân vững cơ đồ, Năm phúc vui mừng đến. [M4]

Ngày tốt tháng 3 năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái thứ 3 (1722)



3. Một vài giá trị qua tư liệu văn bia

- *Về giá trị lịch sử:* Qua văn bia xưa nhất (1699) còn lưu lại có thể khẳng định ngôi chùa từ ngày khởi dựng đến nay đã thực sự trở thành trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân Đông Lai.

Chùa Đông Lai hiện còn lưu giữ được 5 tấm bia đá cổ, trong đó có tấm bia có niên đại thời Lê đến thời Nguyễn nói về việc trùng tu và bầu hậu chùa;... là nguồn tư liệu quan trọng có thể cung cấp nhiều thông tin xác tín về thờ tự tại chùa, làng họ, chế độ ruộng đất, sự thay đổi về địa danh lịch sử qua các thời kỳ.

- *Về giá trị nghệ thuật:* Chùa Đông Lai gồm các hạng mục như cổng tam quan, gác chuông, tam bảo, nhà tổ, nhà khách có bố cục và quy cách theo phong cách truyền thống. Các hiện vật như bia đá, chuông đồng, hệ thống tượng Phật niên đại thế kỷ XIX - XX với những đường nét uyển chuyển, mang trong mình yếu tố thiêng gắn với mảnh đất và con người Liên Hồng cũng như khu vực lân cận, đạt hiệu quả về mặt thẩm mỹ.

- *Giá trị văn hóa:* Chùa Đông Lai không chỉ là nơi thờ phụng các vị Phật, Bồ tát, tam tòa Thánh Mẫu, đức thánh Trần, các vị tổ chùa, hậu Phật mà còn là địa chỉ sinh hoạt, trung tâm văn hóa, sinh hoạt lễ tết, ngày hội truyền thống của làng.

- *Giá trị khoa học:* Giá trị này được thể hiện qua hệ thống di vật, di vật góp phần thiêng hóa di tích, là tài sản vô cùng có giá trị mà trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành, đặc biệt những di văn Hán Nôm.

- *Về giá trị thẩm mỹ:* Chùa Đông Lai bảo lưu khá nguyên vẹn các hạng mục kiến trúc và đồ thờ tự có giá trị nghệ thuật. Các hạng mục kiến trúc cấu thành di tích gồm: tam quan, gác chuông, tiền đường, thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu có kiểu dáng, bố cục, sắc thái tương tự, quy mô Khang trang, bề thế.

Chùa Đông Lai bảo lưu được nhiều đồ thờ có giá trị nghệ thuật cao. Các hiện vật được gìn giữ khá nguyên và chọn vẹn, một số di vật tiêu biểu, quý, tiêu biểu như cây hương đá - niên hiệu Bảo Thái, bia đá - niên hiệu Chính Hòa, Hoàng phi, câu đối và tượng - nghệ thuật thời Nguyễn... đạt trình độ, kỹ thuật tinh xảo, có giá trị nghệ thuật cao, cần được bảo lưu, gìn giữ.

Tác giả: **Thích Đàm Thơm** - *Chùa Đông Lai*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026